

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 16- 6-2020  
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Khúc Trọng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Vũ Thị Quý

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Quý Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lô Thị T, sinh năm 1985; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn T1, sinh năm 1978; đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 3 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Lô Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị T và anh Trần Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 4 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống tại thôn C, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh T1 chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh T1 chơi bời cờ bạc và

không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau, mặc dù đã được gia đình và địa phương hòa giải nhưng không cải thiện được. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc C sinh ngày 14 tháng 10 năm 2007 và Trần Văn C1 sinh ngày 08 tháng 2 năm 2014, hiện cả hai cháu đang do chị T nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả hai cháu vì cháu C có nguyện vọng được ở với chị, cháu C1 còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, mặt khác chị hiện buôn bán hàng tạp hóa tại nhà, có thu nhập ổn định có thể chăm lo cho các cháu. Anh T1 không có nghề nghiệp, không có thu nhập lại mãi mê cờ bạc nên không có điều kiện để chăm lo cho các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị T đề tự thỏa thuận với anh T1 do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ hai anh T1 vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị Lô Thị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Lô Thị T và anh Trần Văn T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị T được ly hôn anh T1. Về con chung, giao hai con là Trần Thị Ngọc C và Trần Văn C1 cho chị T nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T và anh T1 tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung do chị T đề nghị đề tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T1 có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc chị Lô Thị T có đơn xin ly hôn nhưng anh T1 vắng mặt tại phiên tòa hai

lần không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Trần Văn T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lô Thị T và anh Trần Văn T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh T1 chơi bời không chăm lo làm ăn kinh tế và không quan tâm tới cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi mắng xúc phạm nhau. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 phù hợp với lời khai của chị T. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1, anh T1 không có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Trần Thị Ngọc C sinh ngày 14 tháng 10 năm 2007 và Trần Văn C1, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2014. Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con và cháu C cũng có lời khai thể hiện có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T khai chị hiện đang kinh doanh hàng tạp hóa tại nhà, có thu nhập ổn định và thời gian để có thể chăm lo cho các con còn anh T1 không có công việc, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng chăm lo tốt cho các con. Anh T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc giao nộp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung như nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng...nhưng anh T1 không cung cấp cho Tòa án. Như vậy xét về mọi mặt, chị T có điều kiện chăm sóc con chung đảm bảo hơn so với anh T1, cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị T đề nghị để tự thỏa thuận với anh T1 nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, anh T1 vắng mặt và chưa có lời khai về tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lô Thị T và anh Trần Văn T1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Thị Ngọc C sinh ngày 14 tháng 10 năm 2007, Trần Văn C1 sinh ngày 08 tháng 02 năm 2014 cho chị Lô Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Ngọc C, Trần Văn C1 đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lô Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0012497 ngày 16/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lô Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã M, huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khúc Trọng Quang**

